

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/DS-PT

Ngày: 21.11.2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hoài Sơn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Anh**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Phú Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 133/2018/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2018/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị N** - Sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 50 đường Hoàng Văn T, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm Văn N** - Sinh năm: 1984. Địa chỉ: Tổ 32, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền ngày 02/11/2017). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Cao Tư Thế** - Sinh năm: 1953 và bà **Trần Thị Kim Lan** - Sinh năm: 1955. Hộ khẩu thường trú: Tổ 19 (tổ 04 cũ), phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Số 160 đường Lê T, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Cao Tư T: Ông **Nguyễn Lê V** - Cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Gia thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 218 đường T, phường Chính Gián, quận Thanh

Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông **Cao Tư T** là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày:*

Ngày 15/02/2016, vợ chồng ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L có vay của bà Vũ Thị N số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 0.2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 15/02/2016 đến ngày 15/3/2016. Khi vay tiền, ông T và bà L có thể chấp cho bà Nga 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247906 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2014 đối với thửa đất 157-B3, tờ bản đồ HYM, diện tích 90m², địa chỉ KDC Hòa Mỹ, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng do ông T và bà L đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên do hết thời hạn vay tiền, ông T và bà L không trả nợ đúng hạn cho bà N. Ngày 24/11/2016, bà L thống nhất bán lô đất trên cho bà N, ngày 28/11/2016 ông T viết giấy xác nhận mượn tiền và đưa ra các phương án trả khoản nợ. Tuy nhiên ông T và bà L không thực hiện đúng cam kết như làm hợp đồng chuyển nhượng đất. Sau đó, ông T đã dụ dỗ bà N giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247906 đối với thửa đất 157-B3 để được hoàn thành thủ tục pháp lý.

Ngày 19/10/2017, bà N có đơn đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất sau khi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho ông T và bà L thì không được giao cho ông T và bà L mà phải giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông T và bà L tiếp tục thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng lô đất nói trên cho bà N theo giá thị trường để cân trừ khoản nợ 800.000.000 đồng.

Ngày 01/8/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16, khu B2-5, dự án KDC Trung Nghĩa cho ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L.

Ngày 08/8/2018, bà Vũ Thị N yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 16, khu B2-5, dự án KDC Trung Nghĩa của ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L để tránh việc ông T và bà L chuyển nhượng nhằm mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 09/8/2018, Tòa án ra quyết định số 02/2018/QĐ- BPBD buộc thực hiện biện pháp bảo đảm buộc bà Vũ Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 50 đường Hoàng Văn Thái, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phải gửi tài sản đảm bảo có giá trị là 200.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa số 2005683083170, mã khách hàng 2005005352769, tên khách hàng Vũ Thị N, số CMND 201340982 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Lệ, địa chỉ: Số 349 đường Cách mạng tháng 8, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 10/8/2018 Tòa án nhân dân quận C ra Quyết định số 02/2018/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” quy định tại khoản 11 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấm ông Cao Tư T, bà Trần Thị Kim L chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành C0 166928, số vào sổ CTs 166300 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/8/2018 đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ 102, diện tích 123m², địa chỉ thửa đất lô 16-B2-5 KDC Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L.

Nay bà Nga yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L trả số tiền 848.000.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*) và khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 15/8/2018 theo lãi suất 0,2%/tháng là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) lãi suất áp dụng theo giấy vay tiền ngày 15/02/2016 và tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT phong tỏa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thế bà Lan.

** Tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 23/01/2018 bị đơn ông Cao Tư T trình bày:*

Tôi thừa nhận chuyện vay mượn tiền giữa vợ chồng tôi và bà Vũ Thị N là có thật nhưng số tiền tôi vay chỉ có là 60.000.000 đồng, vay vào khoảng tháng 11, 12 năm 2014, cả hai vợ chồng cùng ký vào giấy mượn số tiền 60.000.000 đồng trên. Ngoài ra không có thêm bất kỳ lần mượn tiền nào. Việc bà N yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền 800.000.000 đồng là không đúng sự thật.

Ngoài ra, việc bà Trần Thị Kim L là vợ tôi có vay riêng bà Vũ Thị N khoản tiền nào khác không thì tôi không biết.

Đối với giấy mượn tiền 15/02/2016, tôi và bà L cùng ký xác nhận có vay của bà Vũ Thị N số tiền 800.000.000 đồng để mua nhà, lãi suất 0,2%/ tháng, thời hạn nay từ 15/02/2016 đến 15/3/2016 là do bà N lập đưa tôi ký không vào; bà N đã tự ý ghi số tiền, lãi suất, mục đích vay “Mua nhà ở” vào Giấy mượn tiền này.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247906 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2014 đối với thửa đất 157-B3, tờ bản đồ HMY, diện tích 90m² đã bị thu hồi theo Quyết định số 8584/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 nhưng chưa được thu hồi, vợ chồng tôi đã đưa cho bà N để giữ làm tin, không phải để mua bán đất.

Đối với giấy bán đất 24/11/2016, toàn bộ nội dung là do bà Vũ Thị N soạn thảo, tự viết các nội dung, bà Trần Thị Kim L chỉ có ký xác nhận mà không có chữ ký của tôi nên không có giá trị pháp lý.

Giấy xác nhận mượn tiền lập ngày 28/11/2016 do tôi viết và ký tên, còn bà N gặp riêng tôi yêu cầu viết giấy bán đất nhưng tôi không đồng ý viết giấy bán đất cho bà N.

Tôi cho rằng bà Vũ Thị N lợi dụng sự thiếu hiểu biết của vợ chồng tôi nên có ý đồ lừa đảo chiếm đoạt tài sản chuyển từ số tiền vay 60.000.000 đồng thành số tiền vay 800.000.000 đồng.

Tôi đã nhiều lần gửi đơn tố cáo đến Cơ quan công an quận Liên Chiểu để tố cáo bà Vũ Thị N đã có hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của vợ chồng tôi, Cơ quan công an quận Liên Chiểu đã trả lời đây là vụ việc dân sự không có dấu hiệu hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hướng dẫn tôi yêu cầu Tòa án hủy giấy vay tiền đã lập ngày 15/2/2016.

** Tại bản tự khai ngày 23/01/2018 và phiên hòa giải bị đơn bà Trần Thị Kim L:*

Tôi và ông Cao Tư T (là chồng tôi) cùng vay số tiền 60.000.000 đồng, thời gian vay vào cuối năm 2014. Đối với số tiền 60.000.000 đồng, mỗi tháng tôi trả cho bà N 2.400.000 đồng tiền lãi (lãi suất 4%/ tháng), trả được cho bà N khoản 10 lần.

Từ năm 2015 đến giữa năm 2016, tôi có mượn riêng bà Vũ Thị N tổng cộng 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*), qua 05 - 06 lần mượn, lần ít nhất 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), lần nhiều nhất là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Việc mượn số tiền 170.000.000 đồng trên chồng tôi là ông T không hề biết. Mục đích tôi mượn số tiền trên là để sử dụng cho bản thân và trả nợ riêng cá nhân tôi. Tôi có trả tiền lãi cho bà Vũ Thị N được 02 - 03 tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng tiền lãi cho số nợ gốc 170.000.000 đồng. Tất cả những lần vay tiền và trả tiền lãi tôi đều không có giấy tờ chứng minh, bà N giữ tất cả các giấy ghi nợ. Hiện nay tôi xác nhận còn nợ của bà Vũ Thị N số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 3 thành phố Đà Nẵng đại diện theo ủy quyền bà Nhung trình bày:*

Vào năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 8584/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 về việc thu hồi giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247906 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2014 đối với thửa đất 157-B3, tờ bản đồ HMY, diện tích 90m² đứng tên ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L để cấp lô đất số 16, Khu B2-5, dự án KDC Trung Nghĩa phường Hòa Minh, Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thì bà Vũ Thị N có đơn gửi đến Trung tâm phát triển quỹ đất yêu cầu Trung tâm không cho ông T bà L đến nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Tuy nhiên, vừa qua Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã bố trí lại cho ông Thế, bà L lô đất số 16, Khu B2-5, dự án KDC Trung Nghĩa thay cho thửa đất 157-B3, tờ bản đồ HMY KDC Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Hiện nay ông T, bà L đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đối với thửa đất số 16, khu B2-5, dự án KDC Trung Nghĩa, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Việc bà Vũ Thị Nga khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả số tiền vay

800.000.000 đồng thì Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 3 không có ý kiến gì.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2018/DS-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng đã Quyết định:*

Căn cứ: Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 11 Điều 114; khoản 1 Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N đối với ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L.

Xử:

1/ Buộc ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị N số tiền 848.000.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi tám triệu đồng*), trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*), tiền lãi là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*).

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Tiếp tục duy trì quyết định số 02/QĐ-BPBD ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C buộc thực hiện biện pháp bảo đảm buộc bà Vũ Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 50 đường Hoàng Văn T, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phải gửi tài sản đảm bảo có giá trị là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng y*) vào tài khoản phong tỏa số 2005683083170, mã khách hàng 2005005352769, tên khách hàng Vũ Thị N, số CMND 201340982 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Cẩm Lệ, địa chỉ: Số 349 đường Cách mạng tháng 8, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng để đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

4/ Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Cấm ông Cao Tư T, bà Trần Thị Kim L chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành C0 166928, số vào sổ CTs 166300 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 01/8/2018 đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ 102, diện tích 123m², địa chỉ thửa đất lô 16-B2-5 KDC Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L để đảm bảo cho việc thi hành án.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L phải chịu là 37.440.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Hoàn trả cho bà Vũ Thị N số tiền 18.480.000 đồng (*Mười tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 000645 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải thích về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo pháp luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn pháp luật quy định, ngày 04/9/2018 ông Cao Tư T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2018/DS-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại vụ án để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho gia đình ông.

Tại phiên tòa, Ông Cao Tư T, bà Trần Thị Kim L và Luật sư Nguyễn Lê V là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Cao Tư T đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 1 Điều 214, Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự tạm đình chỉ vụ án, chờ kết quả trả lời của Công an thành phố Đà Nẵng về dấu hiệu hình sự đối với bà Vũ Thị N theo đơn khiếu nại của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Cao Tư Thế. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 133/2018/DS-ST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân C, thành phố Đà Nẵng theo hướng chấp nhận nội dung thay đổi yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn N về số tiền lãi 48.000.000 đồng mà cấp sơ thẩm đã buộc ông T, bà L trả cho bà Vũ Thị N. Theo đó, đề nghị HĐXX xem xét buộc ông T, bà L có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc 800.000.000 đồng; Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm do tại phiên tòa ông T, bà L có đơn xin miễn án phí dân sự nên đề nghị miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 3 thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng với quy định tại các Điều 3, 4 Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường - Bộ Nội vụ - Bộ Tài Chính về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 10/10/2018, Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất số 3, thành phố Đà Nẵng đã cung cấp: Vào năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 8584/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 247906 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 07/11/2014 đối với thửa đất 157-B3, tờ bản đồ HMY, diện tích 90m² đứng tên ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L để cấp lô đất số 16, Khu B2-5, dự án KDC Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thì bà Vũ Thị N có đơn gửi đến Trung tâm phát triển quỹ đất yêu cầu Trung tâm không cho ông T, bà L đến nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Vừa qua Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã bố trí lại cho ông T và bà L lô đất số 16, Khu B2-5, dự án KDC Trung Nghĩa thay cho thửa đất 157-B3, tờ bản đồ HMY KDC Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hiện nay, ông T và bà L đã nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đối với thửa đất số 16, khu B2-5, dự án KDC Trung Nghĩa, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 14/8/2018. Do đó, Trung tâm phát triển quỹ đất số 3 không còn liên quan gì đến vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm không đưa tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Cao Tư T, bà Trần Thị Kim L cũng như luật sư Nguyễn Lê V là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 1 Điều 214, Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự, tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả trả lời của Công an thành phố Đà Nẵng về dấu hiệu hình sự đối với nguyên đơn bà Vũ Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L cũng đã có đơn đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng xem xét dấu hiệu hình sự đối với bà Vũ Thị N. Tại văn bản số 49 - CSĐT ngày 08/8/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu và biên bản xác minh ngày 10/10/2018 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng cung cấp cho Tòa án đều thể hiện nội dung: Vụ việc ông T và bà L đề nghị không có dấu hiệu hình sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do đó, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của ông T, bà L cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T về việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án, chờ kết quả trả lời của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của ông Cao Tư T Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại giấy vay tiền ngày 15/02/2016 thể hiện: Bà Vũ Thị Nga có cho ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 0,2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 15/02/2016 đến ngày 15/3/2016. Đến thời hạn trả tiền vay, ông T và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu ông T và bà L phải trả số tiền gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,2%/tháng, tính từ ngày 15/02/2016 đến ngày 15/8/2018 là

48.000.000 đồng. Về phía bị đơn ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L không thừa nhận có vay của bà Vũ Thị N số tiền 800.000.000 đồng. Ông, bà chỉ xác định vào khoảng tháng 11, tháng 12/2014 có vay của bà N số tiền 60.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L còn thừa nhận có vay của bà N số tiền 170.000.000 đồng vào thời gian từ năm 2015 đến giữa năm 2016. Ông T và bà L cho rằng: Việc bà N khởi kiện số tiền 800.000.000 đồng là do bà N đã có hành vi gian dối, đưa tờ giấy vay tiền ngày 15/02/2016 để ông, bà ký vào giấy vay tiền không, không có ghi số tiền vay, không ghi lãi suất còn việc ghi thêm số tiền và lãi suất do bà Nga ghi. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà N cũng không cung cấp được cứ tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà N có hành vi gian dối trong việc ghi số tiền vay và lãi suất theo giấy vay tiền ngày 15/02/2016. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N buộc ông T và bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi 48.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 15/02/2016 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông N thay đổi không yêu cầu HĐXX buộc ông T và bà L phải trả số tiền lãi 48.000.000 đồng mà cấp sơ thẩm đã buộc trả cho bà Vũ Thị N, chỉ yêu cầu ông T và bà L trả số tiền gốc là 800.000.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc thay đổi yêu cầu của ông N là tự nguyện và được bị đơn chấp nhận nên sửa một phần Bản án sơ thẩm số 132/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân C, thành phố Đà Nẵng, buộc ông T và bà L có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc 800.000.000 đồng.

[2.2] Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục duy trì các quyết định sau:

Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/QĐ-BPBD ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C đối với số tiền 200.000.000 đồng tại tài khoản phong tỏa số 20005683083170, mã khách hàng 2005005352769, tên khách hàng Vũ Thị N, số CMND 201340982 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh quận Cẩm Lệ.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/QĐ-BPKCTT ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấm của ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 166928, sổ vào sổ CTs 166300 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/8/2018 đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ 102, diện tích 123m², địa chỉ thửa đất lô 16-B2-5 KDC Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L nhằm bảo đảm cho việc thi hành án.

[3] Về án phí:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L có đơn xin miễn án phí với lý do người cao tuổi (trên 60 tuổi). Theo quy định tại điểm đ

khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T, bà L thuộc đối tượng được miễn án phí nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DSST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng về phần án phí theo hướng miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, bà L. Đồng thời, miễn án phí dân sự phúc thẩm và hoàn trả lại cho ông T, bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số số 0005399 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3.2] Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Vũ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 18.480.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 000645 ngày 27/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Cao Tư T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 132/2018/DSST ngày 17/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào: Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Nga số tiền gốc 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/QĐ-BPBD ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C đối với số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tại tài khoản phong tỏa số 20005683083170, mã khách hàng 2005005352769, tên khách hàng Vũ Thị N, số CMND 201340982 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh quận Cẩm Lệ.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/QĐ-BPKCTT ngày 10/8/2018 của Tòa án nhân dân quận C về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 11 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấm của ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 166928, số vào sổ CTs 166300 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/8/2018 đối với thửa đất số 210, tờ bản đồ 102, diện tích 123m², địa chỉ thửa đất lô 16-B2-5 KDC Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đứng ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L nhằm bảo đảm cho việc thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L được miễn án phí.

Hoàn trả cho ông Cao Tư T và bà Trần Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005399 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Hoàn trả cho bà Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí 18.480.000 đồng (*Mười tám triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), đã nộp tại biên lai thu tiền số 000645 ngày 27/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn

